DANH SÁCH CHÚC THỌ, MỪNG THỌ
NGƯỜI CAO TUỔI THỌ 100 TUỔI TỈNH LẠNG SƠN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 23 /QĐ-UBND ngày 03 /01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Nam	Nữ	Dân tộc	Địa chỉ
I	**Huyện Bình Gia**				
1	Lâm Thị Chỉm		1924	Nùng	Thôn Nà Tổng, xã Quang Trung, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
2	Lương Thị Vần		1924	Tày	Thôn Pác Luống, xã Thiện Thuật, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
3	Hoàng Thị Tàn		1924	Nùng	Thôn Nà Dài, xã Tân Văn, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
4	Hoàng Thị Ly		1924	Tày	Thôn Nà Vường, xã Mông Ân, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
II	**Huyện Tràng Định**				
5	Nông Thị An		1924	Nùng	Thôn Đoàn Kết, xã Đề Thám, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
III	**Huyện Văn Quan**				
6	Phùng Thị Đẩy		1924	Nùng	Thôn Bản Cưởm, xã Bình Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
7	Vi Thị Ưa		1924	Nùng	Thôn Nà Hấy, xã Bình Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
8	Nông Thị Tái		1924	Nùng	Thôn Nà Hấy, xã Bình Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
IV	**TP. Lạng Sơn**				
9	Vương Thị Thanh		1924	Nùng	Khối 1, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
10	Nguyễn Thị Gái		1924	Kinh	Khối 7+10, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng sơn
11	Mông Thị Mung		1924	Nùng	Khối Văn Miếu, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng sơn
12	Vũ Thị Gioi		1924	Kinh	Khối Cửa Bắc, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng sơn
V	**Huyện Hữu Lũng**				
13	Giang Thị Bạ		1924	Kinh	Thôn Cây Sấu, xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

14	Nguyễn Thị Nhuận		1924	Kinh	Thôn Bắc Lệ, xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
15	Nguyễn Thị Xuyên		1924	Kinh	Thôn Trãng, xã Quyết Thắng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
16	Đặng Thị Nga		1924	Kinh	Thôn Rừng Cấm Chằm Non, xã Hoà Lạc, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
17	Nguyễn Thị Hoành		1924	Kinh	Thôn Văn Miêu, xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
18	Lương Thị May		1924	Nùng	Thôn Ba Nàng, xã Cai Kinh, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
19	Nguyễn Thị Hoàn		1924	Kinh	Thôn Làng Lầm, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
20	Hà Thị Út		1924	Nùng	Thôn Cây Hồng Mỏ Tối, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng
VI	**Huyện Lộc Bình**				
21	Hoàng Thị Thìn		1924	Nùng	Thôn Nà Lài, xã Tĩnh Bắc, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
22	Lăng Thị Mấu		1924	Nùng	Thôn Pắn Pé, xã Khuất Xá, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
23	Vi Thị Hính		1924	Tày	Thôn Bản Cảng, xã Khuất Xá, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
VII	**Huyện Đình Lập**				
24	Hoàng Thị Lậy		1924	Nùng	Thôn Kéo Cấn, xã Bắc Xa, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
VIII	**Huyện Chi Lăng**				
25	Hứa Văn Chất	1924		Nùng	Thôn Phố Sặt, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
26	Hoàng Thị Thư		1924	Kinh	Thôn Cây Hồng, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
27	Hoàng Thị Nhình		1924	Nùng	Thôn Khun Đút, xã Vạn Linh, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
28	Lương Thị Cầu		1924	Tày	Thôn Nà Tẻng, xã Vạn Linh, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
29	Triệu Thị Cò		1924	Nùng	Thôn Pá Tào, xã Bằng Hữu, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
IX	**Huyện Bắc Sơn**				
30	Lý Thị Dinh		1924	Dao	Thôn Tiến Hậu, xã Nhất Tiến, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn

31	Hoàng Thị Tẻo		1924	Tày	Thôn Làng Huyền, xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
32	Lương Đình Roong	1924		Tày	Thôn Hợp Nhất, xã Đồng Ý, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
33	Nguyễn Thị Lương		1924	Kinh	Thôn Giao Hòa 2, xã Nhất Hòa, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
34	Hoàng Thị Thời		1924	Tày	Thôn Xuân Giao, xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
35	Dương Thời Chân		1924	Tày	Thôn Đông Đằng, xã Bắc Quỳnh, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
36	Dương Thị Quế		1924	Tày	Thôn Trí Yên, xã Bắc Quỳnh, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
X	**Huyện Cao Lộc**				
37	Lý Nhục Lìn		1924	Nùng	Khu Kéo Kham, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
38	Nguyễn Thị Ất		1924	Kinh	Khu Ga, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
39	Hoàng Thị Hòa		1924	Tày	Thôn Phú Thịnh, xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
40	Tô Thị Nhình		1924	Nùng	Thôn Nà Háo, xã Yên Trạch, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn

Danh sách ấn định gồm 40 người./.

DANH SÁCH CHÚC THỌ, MỪNG THỌ
NGƯỜI CAO TUỔI THỌ 90 TUỔI TỈNH LẠNG SƠN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 23 /QĐ-UBND ngày 03 /01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ
I	**THÀNH PHỐ LẠNG SƠN: 55 người.**		
1	Đường Quang Mậu	1934	Thôn Hoàng Tân, xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
2	Hoàng Thị Đỉnh	1934	Thôn Hoàng Tân, xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
3	Nguyễn Thị Ất	1934	Thôn Khòn Pịt, xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
4	Nguyễn Thị Phần	1934	Thôn Hoàng Tân, xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
5	Chu Văn Thủy	1934	Thôn Hoàng Tân, xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
6	Nguyễn Thị Nhự	1934	Thôn Hoàng Thượng, xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
7	Nguyễn Thị Phương	1934	Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Lạng Sơn
8	Trần Sáng Lỳ	1934	Khối 1+2, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
9	Lã Thị Thảo	1934	Khối 1+2, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
10	Đoàn Xuân Việt	1934	Khối 3, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
11	Phan Thị Món	1934	Khối 3, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
12	Đặng Thị Sen	1934	Khối 6, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
13	Tô Thị Kim	1934	Khối 6, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
14	Nông Thị Miện	1934	Khối 7+10, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
15	Hải Thị Ly	1934	Khối 8, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
16	Lê Thị Thìn	1934	Khối 4, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

17	Hoàng Tuấn Nguyệt	1934	Khối 7, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
18	Triệu Thị Yên	1934	Khối 8, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
19	Hoàng Thị Sửu	1934	Khối 8, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
20	Nguyễn Thị Quyền	1934	Khối 8, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
21	Bùi Văn Tùy	1934	Khối 8, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
22	Vũ Thị Xuyến	1934	Khối 9, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
23	Đặng Thị Huệ	1934	Khối 9, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
24	Đào Thị Lợi	1934	Khối 1, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
25	Nguyễn Thị Cường	1934	Khối 2, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
26	Trần Thị Liên	1934	Số 29 Yết Kiêu, Khối 2, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
27	Bùi Hữu Nghĩa	1934	Số 73 Yết Kiêu, Khối 2, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
28	Nguyễn Thị Sự	1934	Khối 3, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
29	Hà Thị Nay	1934	Khối 8, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
30	Hoàng Thị SLáy	1934	Khu tập thể Đoàn nghệ thuật, Khối 8, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
31	Đặng Xuân Hùng	1934	Phố Muối, Khối 9, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
32	An Thị Hoa	1934	Bến Bắc, Khối 10, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
33	Trần Thị Hảo	1934	Bến Bắc, Khối 10, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
34	Hoàng Văn Tại	1934	Khối 10, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
35	Nguyễn Thị Liên	1934	Khối 5, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
36	Trương Thị Kim	1934	Khối 5, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

37	Nguyễn Văn Lợi	1934	Khối 1, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
38	Đinh Thị Ngọc	1934	Khối 1, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
39	Hồ Công Đốc	1934	Khối 1, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
40	Nguyễn Đình Chi	1934	Khối 8, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
41	Nguyễn Thị Tuất (Phương)	1934	Khối 8, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
42	Lành Văn Liêm	1934	Khối 9, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
43	Nguyễn Hồng Minh	1934	Khối 6, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
44	Đặng Thị Tỉnh	1934	Khối 6, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
45	Vũ Đức Toàn	1934	Khối 15, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
46	Hoàng Thị Nàng	1934	Thôn Khòn Khuyên, xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
47	Chu Thị Pứ	1934	Thôn Khòn Khuyên, xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
48	Nguyễn Thị Bâu	1934	Thôn Khòn Pát, xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
49	Đồng Thị Hạ	1934	Thôn Khòn Phổ, xã Mai pha, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
50	Phạm Văn Bá	1934	Khối Trần Quang Khải, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
51	Nguyễn Thị San	1934	Số 266, đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
52	Hoàng Thị Hóng	1934	Tổ 2, khối Trần Thánh Tông, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
53	Hoàng Thị Bình	1934	Bản Cao, thôn Quảng Hồng, xã Quảng Lạc, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
54	Nguyễn Thị Méng	1934	Thôn Quảng Trung II, xã Quảng Lạc, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
55	Hoàng Thị Nga	1934	Thôn Quảng Liên I, xã Quảng Lạc, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
II	**HUYỆN CAO LỘC: 40 người.**		

56	Lâm Thị Lày	1934	Thôn Long Quế, xã Xuân Long, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
57	Ngô Văn Ỷ	1934	Thôn Bản Luận, xã Hòa Cư, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
58	Lương Thị Ảp	1934	Thôn Tẩu Lìn, xã Xuất Lễ, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
59	Đinh Thị Min	1934	Thôn Bản Ranh, xã Xuất Lễ, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
60	Hứa Văn Thang	1934	Thôn Bản Lề, Bản Ngõa, xã Xuất Lễ, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
61	Hoàng Thị Mở	1934	Thôn Ba Sơn, xã Xuất Lễ, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
62	Vy Văn Giỏi	1934	Thôn Pò Riềng, xã Xuất Lễ, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
63	Lô Kim Tương	1934	Thôn Còn Khoang, Pá Pài, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
64	Trịnh Văn Trác	1934	Khối 5, xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
65	Đỗ Đức Mai	1934	Thôn Đại Sơn, xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
66	Mông Thị Và	1934	Thôn Nà Ca, xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
67	Tô Thị Phủng	1934	Thôn Nà Ca, xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
68	Hoàng Thị Eng	1934	Thôn Phai Luông, xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
69	Phạm Thị Sáu	1934	Khối 2, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
70	Phan Thị Vang	1934	Khối 3, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
71	Lã Thị Nen	1934	Khối 3, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
72	Nông Thị Sâm	1934	Khối 5, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
73	Hoàng Thị Dần	1934	Khối 6, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
74	Luân Thị Khìn	1934	Khối 7, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
75	Phạm Thịnh	1934	Khu Dây Thép, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn

76	Trần Quốc Liên	1934	Thôn Nà Va, xã Cao Lâu, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
77	Đoàn Văn Thụ	1934	Thôn Còn Háng, xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
78	Hoàng Thị Hà	1934	Thôn Còn Kéo, xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
79	Lương Thị Ngay	1934	Thôn Bản Lòa, xã Thanh Lòa, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
80	Vy Thị Nèn	1934	Thôn Thâm Mò, xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
81	Đặng Văn Tư	1934	Thôn Bắc Nga, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
82	Chu Thị Cải	1934	Thôn Bắc Nga, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
83	Đinh Thị Đương	1934	Thôn Bắc Nga, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
84	Lê Văn Hương	1934	Thôn Cổ Lương, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
85	Tô Thị Đạo	1934	Thôn Cổ Lương, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
86	Nông Thị Oai	1934	Thôn Còn Toong, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
87	Chu Thị Kheo	1934	Thôn Còn Pheo, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
88	Vi Thị Vy	1934	Thôn Tồng Han, xã Tân Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
89	Hoàng Thị Năng	1934	Thôn Nà Múc, xã Tân Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
90	Hoàng Thị Văn	1934	Thôn Nà Soong, xã Yên Trạch, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
91	Vy Văn Khoát	1934	Thôn Yên Hạ, xã Yên Trạch, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
92	Hứa Thị Vèn	1934	Thôn Yên Thủy 1, xã Yên Trạch, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
93	Trương Thị Tự	1934	Thôn Khau Khe, xã Bình Trung, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
94	Triệu Múi Pham	1934	Thôn Co Loi, xã Mẫu Sơn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
95	Nông Thị Xiên	1934	Thôn Nà Thâm, xã Cao Lâu, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn

III	**HUYỆN LỘC BÌNH: 40 người.**		
96	Bùi Đức Nhi	1934	Khu Lao Động, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
97	Đinh Thị Tằm	1934	Khu Hòa Bình, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
98	Lý Thị Tý	1934	Khu Chộc Vằng, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
99	Lý Thị Bảo	1934	Khu Phiêng Quăn, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
100	Âu Văn Sửu	1934	thôn Pò Lèn Pá Ôi, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
101	Vi Thị Nô	1934	thôn Pò Lèn Pá Ôi, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
102	Vi Thị Ngô	1934	Thôn Nà Tủng, xã Nam Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
103	Mai Thị Niên	1934	Thôn Bản Thín, xã Tú Mịch, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
104	Nông Văn Hạt	1934	Thôn Bản Roọc, xã Tú Mịch, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
105	Hoàng Thị Nhượng	1934	Thôn Bản Roọc, xã Tú Mịch, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
106	Ma Văn Cóc	1934	Thôn Bản Phải, xã Tú Mịch, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
107	Vi Thị Nhỏi	1934	Thôn Cốc Lại, xã Minh Hiệp, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
108	Nông Thị Phiền	1934	Thôn Khuôn Săm, xã Minh Hiệp, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
109	Hoàng Thị Dồng	1934	Thôn Bản Mới 2, xã Tú Đoạn, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
110	Nguyễn Thị Yên	1934	Thôn Pò Lọi, xã Tú Đoạn, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
111	Hoàng Văn Than	1934	Thôn Sì Nghiều, xã Tú Đoạn, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
112	Hoàng Thị Vọng	1934	Thôn Nà Già, xã Tú Đoạn, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
113	Lường Thị Cọ	1934	Thôn Bản Rỵ, xã Hữu Khánh, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
114	Chu Thị Lít	1934	Thôn Bản Rỵ, xã Hữu Khánh, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn

115	Lương Hải Ngọc	1934	Khu 1 + 2, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
116	Dương Thị Kẻo	1934	Khu 1 + 2, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
117	Lường Văn Lư	1934	Khu 5B, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
118	Hoàng Thị Liêm	1934	Thôn Lăng Xè, xã Đồng Bục, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
119	Lường Văn Khoày	1934	Thôn Liên Hợp, xã Khuất Xá, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
120	Hoàng Mùi Phẩy	1934	Thôn Khuổi Tẳng, xã Mẫu Sơn, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
121	Lâm Văn Uẩn	1934	Thôn Pò Chang, xã Xuân Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
122	Tăng Văn Năng	1934	Thôn Pò Chang, xã Xuân Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
123	Vi Thị Biến	1934	Thôn Bản Lạu, xã Xuân Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
124	Vi Thị Lèo	1934	Thôn Khòn Nà, xã Thống Nhất, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
125	Hoàng Thị Lỷ	1934	Thôn Nà Pán, xã Thống Nhất, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
126	Lâm Thị Hẹo	1934	Thôn Hợp Tiến, xã Thống Nhất, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
127	Hoàng Thị Thảo	1934	Thôn Phiêng Phúc, xã Khánh Xuân, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
128	Hoàng Thị Pha	1934	Thôn Nà Ngần, xã Khánh Xuân, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
129	Bế Thị Nheo	1934	Thôn Khòn Cháo - Co Cai, xã Sàn Viên, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
130	Lý Thị Choi	1934	Thôn Khòn Xè, xã Sàn Viên, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
131	Mã Thị Đâu	1934	Thôn Nà Làng, xã Sàn Viên, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
132	Hứa Thị Hòa	1934	Thôn Hua Cầu, xã Đông Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
133	Nguyễn Thị Duyên	1934	Thôn Suối Vằm, xã Hữu Lân, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
134	Đinh Văn Cải	1934	Thôn Bản Cảng, xã Khuất Xá, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn

135	Hoàng Thị Vinh	1934	Thôn Bản Chu A, xã Khuất Xá, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
IV	**HUYỆN ĐÌNH LẬP: 18 người**		
136	Nông Minh Thái	1934	Thôn Kim Quán, xã Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
137	Lý Thị Đa	1934	Thôn Phật Chỉ, xã Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
138	Vi Thị Huyền	1934	Thôn Bình Chương 2, xã Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
139	Lô Thị Điền	1934	Khu Thống Nhất, thị trấn Nông trường Thái Bình, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
140	Lương Thị Thanh	1934	Khu Hoà Bình, thị trấn Nông trường Thái Bình, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
141	Dương Sí Múi	1934	Thôn Khe Đa 1, xã Thái Bình, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
142	Hà Thị Nghị	1934	Thôn Hoà An, xã Thái Bình, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
143	Chu Thị Lương	1934	Thôn Bình Thắng, xã Lâm Ca, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
144	Nông Minh Thủ	1934	Thôn Bản Phục, xã Kiên Mộc, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
145	Lê Thị Ban	1934	Thôn Bản Phục, xã Kiên Mộc, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
146	Vi Thị La	1934	Thôn Tiên Phi, xã Bính Xá, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
147	Hoàng Thị Bé	1934	Thôn Pò Phát, xã Bính Xá, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
148	Hoàng Thị Phùm	1934	Thôn Bản Chắt, xã Bính Xá, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
149	Hoàng Văn Chúm	1934	Thôn Bản Chắt, xã Bính Xá, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
150	Hoàng Văn Ý	1934	Khu 3, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
151	Ninh Văn Lịch	1934	Khu 5, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
152	Lành Thị Thục	1934	Khu 8, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
153	Tô Thị Sơn	1934	Khu 8, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
V	**HUYỆN HỮU LŨNG: 74 người**		

154	Đặng Đức Nghiêm	1934	Khu An Thịnh, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
155	Trần Minh Cường	1934	Khu Tân Lập, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
156	Nguyễn Xuân Dung	1934	Khu Tân Lập, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
157	Đinh Thị Giản	1934	Khu An Thịnh, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
158	Đinh Thị Nhuận	1934	Khu Tân Mỹ II, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
159	Đinh Thị Hoán	1934	Khu Na Đâu, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
160	Nguyễn Thị Xuân	1934	Khu Na Đâu, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
161	Đặng Thị Năm	1934	Khu Tân Mỹ I, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
162	Từ Văn Tài	1934	Thôn Bắc Lệ, xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
163	Phạm Thị Bằng	1934	Thôn Bắc Lệ, xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
164	Mạ Thị Cam	1934	Thôn Làng Ngôn, xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
165	Lý Thị Dần	1934	Thôn Làng Ngôn, xã Tân Thành, Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
166	Nguyễn Thị Tầm	1934	Thôn Hạ, xã Yên Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
167	Trần Thị Sửu	1934	Thôn Bầm, xã Quyết Thắng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
168	Nguyễn Thị Lơ	1934	Thôn Rẫy, xã Quyết Thắng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
169	Lương Thị Thuốc	1934	Thôn Rẫy, xã Quyết Thắng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
170	Triệu Thị Thượng	1934	Thôn Đồng Xe, xã Quyết Thắng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
171	Nguyễn Thị Thế	1934	Thôn Tân Na, xã Nhật Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
172	Nguyễn Thị Hoạt	1934	Thôn Tân Duyên, xã Nhật Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
173	Vy Đức Khánh	1934	Thôn Dốc Mới II, xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

174	Đỗ Thị Cỏn	1934	Thôn Trường Sơn, xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
175	Vi Thị Tồn	1934	Thôn Đoàn Kết, xã Hữu Liên, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
176	Hoàng Văn Lịch	1934	Thôn Việt Thắng - Hang Đỏ, xã Hoà Lạc, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
177	Đặng Thị Thoa	1934	Thôn Đồng Thuỷ, xã Hoà Lạc, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
178	Triệu Văn Tân	1934	Thôn Chùa Lầy, xã Vân Nham, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
179	Mai Thị Vần	1934	Thôn Phủ Đô, xã Vân Nham, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
180	Lương Thị Hạt	1934	Thôn Toàn Tâm, xã Vân Nham, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
181	Hứa Thị San	1934	Thôn Phủ Đô, xã Vân Nham, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
182	Nguyễn Văn Dị	1934	Thôn Vân Tảo, xã Cai Kinh, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
183	Nguyễn Thị Xuyến	1934	Thôn Hồng Kết, xã Cai Kinh, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
184	Trần Thị Gắng	1934	Thôn Hồng Kết, xã Cai Kinh, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
185	Phạm Thị Mùi	1934	Thôn Vân Tảo, xã Cai Kinh, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
186	Hứa Thị Lình	1934	Thôn Đèo Cáo, xã Đồng Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
187	Hoàng Thị Nhâm	1934	Thôn Mỏ Ám, xã Đồng Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
188	Lê Thị Học	1934	Thôn Liên Phương, xã Đồng Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
189	Trần Thị Tiến	1934	Thôn Lân Luông, xã Đồng Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
190	Vi Văn Buốc	1934	Thôn Cã Trong, xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
191	Nguyễn Hữu Thị	1934	Thôn Cã Trong, xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
192	Nguyễn Thị Xâm	1934	Thôn Đồn Vang, xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
193	Nguyễn Thị Đông	1934	Thôn Cã Trong, xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

194	Trần Thị Phượng	1934	Thôn Cã Ngoài, xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
195	Lâm Văn May	1934	Thôn Cốc Lùng, xã Hoà Thắng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
196	Trần Văn Tĩnh	1934	Thôn Thị Hoà, xã Hoà Thắng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
197	Vi Văn Thình	1934	Thôn Bảo Đài I, xã Hoà Thắng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
198	Hà Thị Cú	1934	Thôn Cốc Lùng, xã Hoà Thắng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
199	Lưu Thị Sau	1934	Thôn Suối Ngang I, xã Hoà Thắng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
200	Phạm Thị Hợi	1934	Thôn Thị Hoà, xã Hoà Thắng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
201	Cao Thị Năm	1934	Thôn Vạn Thắng, xã Hoà Thắng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
202	Hoàng Thị Thương	1934	Thôn Xóm Mới, xã Hoà Thắng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
203	Đinh Thị Noong	1934	Thôn Nhất Hà, xã Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
204	Đỗ Thị Đề	1934	Thôn Na Hoa, xã Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
205	Đàm Văn Quan	1934	Thôn Chiến Thắng, xã Hòa Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
206	Bế Văn Cún	1934	Thôn Hoà Bình, xã Hòa Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
207	Hoàng Thị Thẹn	1934	Thôn Quyết Tiến, xã Hòa Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
208	Nguyễn Thị Út	1934	Thôn Quyết Tiến, xã Hòa Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
209	Vũ Thị Được	1934	Thôn Đoàn Kết, xã Hòa Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
210	Phùng Văn Chất	1934	Thôn Đồng Tiến, xã Yên Thịnh, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
211	Nguyễn Văn Hạnh	1934	Thôn Gò Mãm, xã Yên Thịnh, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
212	Dương Văn Huyên	1934	Thôn Chùa, xã Yên Thịnh, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
213	Nông Thị Tý	1934	Thôn Gạo Trong, xã Yên Thịnh, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

214	Nguyễn Huy Cát	1934	Thôn Tân Châu, xã Thiện Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
215	Lý Văn Sỹ	1934	Thôn Đồng Mạ, xã Thiện Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
216	Trần Thị Vàng	1934	Thôn Làng Trang, xã Thiện Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
217	Sầm Thị Tính	1934	Thôn Quyết Thắng, xã Thiện Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
218	Vi Thị Khoa	1934	Thôn Làng Lầm, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
219	Lê Thị Hứa	1934	Thôn Chục Quan, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
220	Phạm Văn Thịnh	1934	Thôn Gốc Me, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
221	Nông Thị Sý	1934	Thôn Cần, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
222	Vi Thị Miên	1934	Thôn Bãi Vàng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
223	Vi Thị Phùng	1934	Thôn Cóc Dĩ, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
224	Lý Văn Pao	1934	Thôn Quý Xã, xã Yên Bình, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
225	Giáp Thị Cầu	1934	Thôn Làng Lỷ, xã Yên Bình, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
226	Nguyễn Thị Vang	1934	Thôn Hồng Gạo, xã Yên Bình, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
227	Lương Thị Được	1934	Thôn Làng Lỷ, xã Yên Bình, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
VI	**HUYỆN VĂN LÃNG: 38 người**		
228	Hoàng Thị Cha	1934	Thôn Bản Van, xã Hội Hoan, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
229	Nông Thị Nhình	1934	Thôn Pác Sàng, xã Hồng Thái, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
230	Hoàng Văn Slông	1934	Thôn Bản Van, xã Hội Hoan, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
231	Hoàng Thị Minh	1934	Thôn Phiêng Liệt, xã Hội Hoan, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
232	Hà Thị Thị	1934	Thôn Cốc Lào, xã Hội Hoan, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

233	Hà Văn Băng	1934	Thôn Cốc Lào, xã Hội Hoan, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
234	Hoàng Thị Nheo	1934	Thôn Bản Nhùng, xã Hồng Thái, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
235	Hoàng Văn Thình	1934	Thôn Tà Lài, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
236	Hoàng Thị Pen	1934	Thôn Nà Dẩn, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
237	Phan Thị Ngân	1934	Thôn Nà Ngườm, xã Tân Thanh, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
238	Lương Thị An	1934	Thôn Tà Coóc, xã Bắc Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
239	Lăng Thị Dắm	1934	Thôn Tà Coóc, xã Bắc Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
240	Trần Thị Dì	1934	Thôn Tà Coóc, xã Bắc Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
241	Đoạn Thị Điền	1934	Thôn Khun Gioong, xã Bắc Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
242	Trầm Văn Phùng	1934	Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
243	Nguyễn Văn Năm	1934	Thôn Lù Thẳm, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
244	Lương Thị Phay	1934	Thôn Tà Pịac, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
245	Lục Văn Nú	1934	Khu 1, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
246	Nông Xuân Nền	1934	Khu 1, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
247	Lưu Thị The	1934	Khu 7, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
248	Hà Thị Nạnh	1934	Khu 8, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
249	Phùng Viết Ngoan	1934	Thôn Cỏn Tẩu, xã Nhạc Kỳ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
250	Tô Thị Tái	1934	Thôn Đông Phòng, xã Bắc Hùng, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
251	Bế Thị Nhường	1934	Thôn Thanh Hảo, xã Bắc Hùng, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
252	Lương Thị Niêm	1934	Thôn Bản Hu, xã Bắc Hùng, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

253	Hoàng Văn Đứng	1934	Thôn Long Tiến, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
254	Chu Đình Nguyên	1934	Thôn Long Tiến, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
255	Hoàng Thị Slen	1934	Thôn Bó Chầu, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
256	Hoàng Thị Cam	1934	Thôn Thuận Lợi, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
257	Nông Thị Kíu	1934	Thôn Nhân Hòa, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
258	Hứa Thị Giáp	1934	Nùng Nà Pục, xã Bắc La, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
259	Hứa Thị Phình	1934	Nùng Tân Lập, xã Bắc La, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
260	Tô Thị Nhẹt	1934	Thôn Còn Bó, xã Thanh Long, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
261	Hoàng Dấn Sinh	1934	Thôn Pác Cú, xã Thanh Long, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
262	Triệu Thị Sảy	1934	Thôn Công Lý, xã Thành Hòa, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
263	Nông Thị Ben	1934	Thôn Bản Mới, xã Thụy Hùng, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
264	Bế Thị Tòng	1934	Thôn Nà Hình, xã Thụy Hùng, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
265	Hoàng Thị Them	1934	Thôn Bình Lập, xã Gia Miễn, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
VII	**HUYỆN BÌNH GIA: 39 người**		
266	Hoàng Văn Huệ	1934	Khối phố Tòng Chu, thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
267	Hoàng Thị Mến	1934	Khối phố Tòng Chu, thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
268	Phan Thị Vọng	1934	Khối phố 2, thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
269	Hà Thị Xiên	1934	Khối phố Ngọc Quyến, thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
270	Nông Thị Hán	1934	Khối phố Ngọc Quyến thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
271	Hứa Văn Long	1934	Thôn Nà Mạ, xã Minh Khai, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn

272	Hứa Văn Trịnh	1934	Thôn Nà Mười, xã Minh Khai, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
273	Lăng Thị Hòi	1934	Thôn Nà Nưa, xã Minh Khai, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
274	Lâm Thị Mần	1934	Thôn Pàn Pẻn, xã Minh Khai, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
275	Lưu Thị Điềm	1934	Thôn Khuổi Ổ, xã Minh Khai, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
276	Dương Thị Kiến	1934	Thôn Phai Danh, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
277	Mỗ Thị Cỏn	1934	Thôn Tân Hoa, xã Hoa Thám, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
278	Đoạn Thị Hè	1934	Thôn Tân Hoa, xã Hoa Thám, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
279	Hoàng Văn Suối	1934	Thôn Ba Biển, xã Thiện Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
280	Triệu Thị Bền	1934	Thôn Nà Đảng, xã Thiện Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
281	Lộc Văn Gia	1934	Thôn Pác Khiếc, xã Hưng Đạo, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
282	Đỗ Thị Mai	1934	Thôn Nà Vước, xã Tân Văn, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
283	Hứa Thị Mần	1934	Thôn Bản Nâng, xã Tân Văn, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
284	Đặng Thị Pham	1934	Thôn Khuổi Luông, xã Vĩnh Yên, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
285	Triệu Như Kim	1934	Thôn Vằng Ún, xã Vĩnh Yên, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
286	Hoàng Thị Mình	1934	Thôn Nhất Tiến, xã Hồng Phong, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
287	Nông Văn Su	1934	Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
288	Hoàng Văn Pinh	1934	Thôn Văn Can, xã Hồng Phong, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
289	Chu Thị Nóm	1934	Thôn Văn Can, xã Hồng Phong, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
290	Hoàng Thị Nghị	1934	Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
291	Trương Thị Phặn	1934	Thôn Khuổi Khuy, xã Hồng Phong, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn

292	Hà Văn Vẳn	1934	Thôn Pác Luống, xã Thiện Thuật, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
293	Đàm Thị Nhanh	1934	Thôn Khuổi Khuy, xã Thiện Thuật, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
294	Hoàng Thị Phùng	1934	Thôn Bản Chúc, xã Thiện Thuật, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
295	Hoàng Thị Thẻo	1934	Thôn Khuổi Hắp, xã Thiện Thuật, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
296	Lộc Thị Khoằn	1934	Thôn Pò Sè, xã Thiện Thuật, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
297	Hoàng Văn Hồi	1934	Thôn Thanh Bình, xã Thiện Long, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
298	Triệu Thị Tiên	1934	Thôn Khuổi Kiếc, xã Thiện Long, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
299	Dương Thị Vận	1934	Thôn Bản Hoay, xã Hồng Thái, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
300	La Thị Cường	1934	Thôn Cốc Phường, xã Bình La, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
301	Hoàng Thị Hồi	1934	Thôn Đồng Hương, xã Mông Ân, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
302	Lương Thị Điệp	1934	Thôn Nà Quãng, xã Yên Lỗ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
303	Lưu Thị Sinh	1934	Thôn Pò Mầm, xã Yên Lỗ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
304	Chu Thị Xâm	1934	Thôn Pò Mầm, xã Yên Lỗ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
VIII	**HUYỆN BẮC SƠN: 58 người**		
305	Dương Thị Ngoan	1934	Thôn Rạ Lá, xã Long Đống, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
306	Dương Thị Tiên	1934	Thôn Dộc Máy, xã Nhất Hòa, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
307	Hoàng Kim Cống	1934	Thôn Tiên Đáo, xã Long Đống, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
308	Trịnh Văn Học	1934	Thôn Tân Tiến, xã Long Đống, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
309	Lộc Thị Niệm	1934	Thôn Vũ Thắng A, xã Tân Tri, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
310	Triệu Thị Lưu	1934	Thôn Thâm Xi, xã Tân Tri, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn

311	Lường Văn Mịch	1934	Thôn Cầu Hin, xã Tân Hương, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
312	Dương Thị Vin	1934	Thôn Nam Hương 2, xã Tân Hương, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
313	Dương Văn Pảu	1934	Khối phố Tiến Hợp 1, thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
314	Dương Công Đoán	1934	Khối phố Hợp Thành Pác Lũng, thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
315	Bùi Thị Liên	1934	Khối phố Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
316	Nguyễn Thị Ý	1934	Khối phố Vĩnh Thuận, thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
317	Đặng Đình Khúc	1934	Khối phố Trần Phú, thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
318	Nguyễn Thị Thìn	1934	Khối phố Trần Phú, thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
319	Nông Ngọc Tài	1934	Khối phố Lê Hồng Phong, thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
320	Dương Thị Lạc	1934	Thôn An Ninh, xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
321	Trần Thị Bẻo	1934	Thôn Mỏ Nhài, xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
322	Dương Công Thành	1934	Thôn Mỏ Nhài, xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
323	Vũ Thị Hồng	1934	Thôn Mỏ Nhài, xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
324	Hoàng Thị Đã	1934	Thôn Nông Lục, xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
325	Hoàng Thị Thời	1934	Thôn Xuân Giao, xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
326	Tô Thị Hoa	1934	Thôn Làng Chu, xã Nhất Tiến, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
327	Lăng Thị Quay	1934	Thôn Vũ Lâm, xã Vũ Lễ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
328	Vi Thị Xe	1934	Thôn Quang Tiến, xã Vũ Lễ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
329	Lường Văn Thọ	1934	Thôn Quang Tiến, xã Vũ Lễ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
330	Triệu Phúc Quý	1934	Thôn Bản Khuông, xã Vạn Thủy, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn

331	Bàn Thị Thim	1934	Thôn Bản Khuông, xã Vạn Thủy, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
332	Vi Thị Bâư	1934	Thôn Bản Soong, xã Vạn Thủy, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
333	Dương Thị Thận	1934	Thôn Bản Soong, xã Vạn Thủy, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
334	Dương Thị Hồ	1934	Thôn Hoan Trung, xã Chiến Thắng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
335	Dương Thị Thời	1934	Thôn Hoan Trung, xã Chiến Thắng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
336	Hoàng Thị Mậu	1934	Thôn Làng Huyền, xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
337	Dương Thị Niêm	1934	Thôn Pá Chí, xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
338	Bế Thị Tĩnh	1934	Thôn Pá Chí, xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
339	Hoàng Thị Mỳ	1934	Thôn Làng Gà 1, xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
340	Hoàng Thị Niềm	1934	Thôn Làng Gà 2, xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
341	Dương Văn Tuyền	1934	Thôn Làng Giáo, xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
342	Đặng Thị Mạn	1934	Thôn Lân Cà, xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
343	Đinh Văn Mấn	1934	Thôn Sông Hóa 1, xã Vũ Lăng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
344	Hoàng Thị Noọng	1934	Thôn Lân Páng, xã Đồng Ý, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
345	Hoàng Tiêu	1934	Thôn Lân Páng, xã Đồng Ý, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
346	Hoàng Thị Ru	1934	Thôn Nà Nhì, xã Đồng Ý, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
347	Hoàng Văn Tề	1934	Thôn Nà Cuối, xã Đồng Ý, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
348	Dương Thị Ngư	1934	Thôn Mỹ Hòa, xã Nhất Hòa, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
349	Phạm Thị Yên	1934	Thôn Mỹ Hòa, xã Nhất Hòa, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
350	Dương Thị Thành	1934	Thôn Mỹ Hòa, xã Nhất Hòa, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn

351	Phạm Thị Son	1934	Thôn Gia Hòa 1, xã Nhất Hòa, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
352	Dương Công Bích	1934	Thôn Gia Hòa 2, xã Nhất Hòa, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
353	Dương Quốc Tiến	1934	Thôn Nội Hòa, xã Bắc Quỳnh, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
354	Dương Thị Lĩnh	1934	Thôn Bắc Sơn, xã Bắc Quỳnh, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
355	Dương Thị Thăng	1934	Thôn Thâm Pát, xã Bắc Quỳnh, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
356	Dương Thị Vững	1934	Thôn Thâm Pát, xã Bắc Quỳnh, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
357	Dương Hữu Hành	1934	Thôn Đông Đằng, xã Bắc Quỳnh, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
358	Dương Thời Pháp	1934	Thôn Đông Đằng, xã Bắc Quỳnh, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
359	Dương Thị Lành	1934	Thôn Bắc Sơn, xã Bắc Quỳnh, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
360	Dương Thị Tiên	1934	Thôn Dộc Máy, xã Nhất Hòa, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
361	Dương Văn Ứng	1934	Thôn Tân Kỳ, xã Chiêu Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
362	Dương Thị Rữ	1934	Khối phố Yên Lãng, thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
IX	**HUYỆN TRÀNG ĐỊNH: 56 người**		
363	Nguyễn Thị Quy	1934	Thôn Thâm Luông, xã Hùng Sơn, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
364	Đoàn Thị Thanh	1934	Thôn Nà Cà, xã Hùng Sơn, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
365	Nông Thị Diệp	1934	Thôn Quyền A2, xã Hùng Sơn, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
366	Hoàng Thị Thảo	1934	Thôn Nà Slảng, xã Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
367	Nông Thị O	1934	Thôn Nà Slảng, xã Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
368	Nông Văn Hưu	1934	Thôn Khắc Đeng, xã Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
369	Chu Thị Ưu	1934	Thôn Khắc Đeng, xã Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn

370	Mạc Thị Tít	1934	Thôn Nà Cạn, xã Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
371	Lương Thị Điềm	1934	Thôn Nà Cạn, xã Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
372	Nông Thị Canh	1934	Thôn Pò Bó, xã Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
373	Định Thị Cô	1934	Thôn Nà Phái, xã Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
374	Nông Văn Thông	1934	Thôn Nà Khuất, xã Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
375	Nông Thị Hiệu	1934	Thôn Đâư Linh, xã Chi Lăng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
376	Đàm Thị Thọ	1934	Thôn Khuổi Sao, xã Chi Lăng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
377	Nguyễn Thị Niềm	1934	Thôn Khuổi Sao, xã Chi Lăng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
378	Nguyễn Thị Cây	1934	Thôn Bản Mạy, xã Chi Lăng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
379	Nông Thị Bông	1934	Bản Chang, Chi Lăng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
380	Hoàng Văn Thọ	1934	Thôn Phai Sào, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
381	Nông Gia Tiến	1934	Thôn Mậu Đốt, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
382	Bế Thị Thơi	1934	Thôn Kéo Quân, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
383	Nông Thị Cươi	1934	Thôn Kéo Quân, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
384	Bế Văn Tuần	1934	Thôn Cốc Mười, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
385	Hoàng Ngọc Thanh	1934	Thôn Nà Ván, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
386	Chu Thị Khôn	1934	Thôn Nà Lình, xã Quốc Việt, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
387	Nông Thị Sình	1934	Thôn 2, xã Tân Minh, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
388	Hoàng Thị Thơm	1934	Thôn 6, xã Kháng Chiến, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
389	Đinh Văn Khải	1934	Thôn Nà Thà, xã Kim Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn

390	Triệu Thị Mộc	1934	Thôn Khau Luông, xã Kim Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
391	Hoàng Thị Khím	1934	Thôn Nà Thà, xã Kim Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
392	Lương Oanh Thắng	1934	Thôn Nà Bắc, xã Đoàn Kết, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
393	Nông Thị Thảo	1934	Thôn Nà Pài, xã Đề Thám, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
394	Lăng Thị Sloóng	1934	Thôn Bản Quyền, xã Đề Thám, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
395	Nông Thị Thiềm	1934	Thôn 3, xã Đào Viên, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
396	Lăng Thị Thào	1934	Thôn 3, xã Đào Viên, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
397	Hà Thị Kỳ	1934	Thôn 3, xã Đào Viên, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
398	Lê Thị Mâu	1934	Thôn Pác Lạn, xã Đào Viên, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
399	Đinh Thị Thìn	1934	Thôn Thống Nhất, xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
400	Ngô Thị Tý	1934	Thôn Hang Đoỏng, xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
401	Lê Thị Hựu	1934	Thôn Pò Chạng, xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
402	Nông Thị Vân	1934	Thôn Pò Chạng, xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
403	Nông Thị Ngoan	1934	Thôn Long Thịnh, xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
404	Lâm Hồng Binh	1934	Thôn Long Thịnh, xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
405	Bế Thị Hính	1934	Thôn Bó Luông, xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
406	Nông Thi Yêu	1934	Thôn Áng Mò, xã Tân Tiến, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
407	Hoàng Thị Bioóc	1934	Thôn Bản Ca, xã Chí Minh, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
408	Mã Minh Tâm	1934	Thôn Cốc Toòng - Thà Lừa, xã Chí Minh, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
409	Lương Thị Thiếm	1934	Thôn Cốc Toòng - Thà Lừa, xã Chí Minh, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn

410	Hoàng Thị Viên	1934	Thôn Cốc Toòng - Thà Lừa, xã Chí Minh, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
411	Trịnh Thị Nga	1934	Khu 1, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
412	Trần Thị Toán	1934	Khu 1, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
413	Nguyễn Văn Đệ	1934	Khu 3, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
414	Lý Thị Nhao	1934	Khu 5, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
415	Dương Thị Thim	1934	Thôn Kéo Mười, xã Tân Yên, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
416	Lý Thị Lỷ	1934	Thôn Kim Lỵ, xã Đội Cấn, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
417	Nông Thị Phân	1934	Thôn Hợp Lực, xã Kim Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
418	Vi Thị Âm	1934	Thôn Bản Trại, xã Kháng Chiến, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
X	**HUYỆN CHI LĂNG: 65 người**		
419	Trần Thị Hòa	1934	Khu Hòa Bình 1, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
420	Đào Thị Chung	1934	Khu Trung Tâm, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
421	Bạch Thị Yên	1934	Khu Trung Tâm, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
422	Lê Thị Nhuần	1934	Khu Trung Tâm, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
423	Nguyễn Thị Lợi	1934	Khu Trung Tâm, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
424	Nguyễn Duy Sửu	1934	Khu Trung Tâm, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
425	Phạm Thị Lộ	1934	Khu Ga Bắc, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
426	Lô Thị Thuận	1934	Khu Ga Bắc, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
427	Vi Ngọc Bùi	1934	Khu Ga Nam, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
428	Hoàng Thị Ính	1934	Khu Đoàn Kết, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

429	Lộc Thị Khai	1934	Khu Đoàn Kết, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
430	Lô Thị Sự	1934	Khu Đoàn Kết, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
431	Nguyễn Thị Xuân Vinh	1934	Khu Hợp Tiến, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
432	Hoàng Thị An	1934	Khu Hợp Tiến, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
433	Vi Thị Liền	1934	Khu Tiền Phong, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
434	Vi Thị Thỏm	1934	Khu Tiền Phong, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
435	Hoàng Thị Pần	1934	Khu Than Muội, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
436	Ngô Thị Kèm	1934	Khu Than Muội, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
437	Nguyễn Thị Duyến	1934	Khu Than Muội, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
438	Chu Thị Pui	1934	Khu Than Muội, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
439	Nguyễn Thị Lý	1934	Khu Than Muội, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
440	Nguyễn Thị Lan	1934	Thôn Minh Hòa, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
441	Chu Thị My	1934	Thôn Cây Hồng, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
442	Chu Thị Dí	1934	Thôn Phố Sặt, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
443	Hoàng Thị Luật	1934	Thôn Xóm Ná, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
444	Nguyễn Văn Tường	1934	Thôn Đồng Đĩnh, xã Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
445	Lăng Thị Hít	1934	Thôn Đồng Đĩnh, xã Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
446	Lành Thị Bé	1934	Thôn Quán Bầu - Đồng Ngầu, xã Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
447	Lăng Văn Củng	1934	Thôn Làng Ngũa, xã Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
448	Phương Thị Bé	1934	Thôn Làng Cằng, xã Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

449	Nông Thị Miên	1934	Thôn Ba Đàn, xã Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
450	Lục Thị Toòng	1934	Thôn Sao Hạ, xã Mai Sao, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
451	Nguyễn Thị Giang	1934	Thôn Sao Thượng, xã Mai Sao, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
452	Chu Thị Hói	1934	Thôn Hợp Nhất, xã Nhân Lý , huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
453	Lý Thế Liên	1934	Thôn Tồng Cút, xã Bắc Thuỷ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
454	Nguyễn Thị Xuân	1934	Thôn Bản Dù, xã Vân Thuỷ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
455	Hoàng Văn Muộng	1934	Thôn Bình Trung, xã Vân An, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
456	Lâm Thị Sam	1934	Thôn Nà Tình, xã Chiến Thắng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
457	Dương Văn Chính	1934	Thôn Nà Tình, xã Chiến Thắng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
458	Vi Văn Chăng	1934	Thôn Làng Hăng, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
459	Phùng Thị Dụ	1934	Thôn Suối Mạ B, xã Hữu Kiên, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
460	Triệu Thị Thời	1934	Thôn Chợ Hoàng, xã Thượng Cường, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
461	Vi Văn Tằng	1934	Thôn Đoàn Kết, xã Thượng Cường, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
462	Triệu Văn Quyền	1934	Thôn Nà Mần, xã Gia Lộc, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
463	Nông Thị Phải	1934	Thôn Cầu Bóng, xã Gia Lộc, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
464	Vi Thị Đẹp	1934	Thôn Làng Mỏ - Gia Lộc, xã Gia Lộc, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
465	Nông Thị Hòi	1934	Thôn Tồng Càn, xã Hoà Bình, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
466	Hoàng Thị Tóm	1934	Thôn Tồng Càn, xã Hoà Bình, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
467	Hoàng Thị Hùng	1934	Thôn Mỏ Rọ, xã Vạn Linh, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
468	Nông Thị Ước	1934	Thôn Khun Đút, xã Vạn Linh, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

469	Triệu Thị Mỳ	1934	Thôn Làng Đăm, xã Vạn Linh, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
470	Lý Thị Vá	1934	Thôn Giáp Thượng, xã Y Tịch, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
471	Triệu Thị Củm	1934	Thôn Giáp Thượng, xã Y Tịch, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
472	Nguyễn Văn Mảy	1934	Thôn Giáp Thượng, xã Y Tịch, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
473	Lương Thị Nhiêu	1934	Thôn Trung Tâm, xã Y Tịch, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
474	Lương Văn Cáp	1934	Thôn Na Cà, xã Y Tịch, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
475	Triệu Văn Tảm	1934	Thôn Nà Mó, xã Bằng Mạc, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
476	Nông Thị Kho	1934	Thôn Đông Quan, xã Bằng Mạc, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
477	Nông Thị Lư	1934	Thôn Đông Quan, xã Bằng Mạc, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
478	Hoàng Văn Cày	1934	Thôn Đồng Chùa, xã Bằng Mạc, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
479	Hoàng Văn Tốt	1934	Thôn Làng Tuống, xã Bằng Hữu, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
480	Phương Thị Tom	1934	Thôn Cao Minh, xã Bằng Hữu, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
481	Trần Thị Noọng	1934	Thôn Cao Minh, xã Bằng Hữu, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
482	Hoàng Thị Thải	1934	Thôn Cốc Lùng, xã Bằng Hữu, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
483	Linh Văn Ỳ	1934	Thôn Cốc Lùng, xã Bằng Hữu, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
XI	**HUYỆN VĂN QUAN: 38 người**		
484	Hoàng Thị Vượng	1934	Thôn Khau Ràng, xã Tràng Các, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
485	Hoàng Văn Lẽo	1934	Thôn Nà Rẹ, xã Tràng Các, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
486	Chu Văn Đuổng	1934	Thôn Nà Rẹ, xã Tràng Các, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
487	Vi Thị He	1934	Thôn Khau Đắng, xã Tràng Các, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn

488	Hoàng Thị Pi	1934	Thôn Đèo Luông, xã Tri Lễ, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
489	Hoàng Văn Viện	1934	Phố Thanh Xuân, thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
490	Đàm Văn Khát	1934	Phố Đức Hinh, thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
491	Hoàng Thị Thâm	1934	Phố Nà Lộc, thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
492	Lương Thị Bưởi	1934	Thôn Pác Làng, xã Điềm He, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
493	Nông Xuân Thảo	1934	Thôn Bản Làn, xã Điềm He, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
494	Hoàng Văn Đảo	1934	Thôn Bản Làn, xã Điềm He, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
495	Hà Thị Sâư	1934	Thôn Bản Làn, xã Điềm He, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
496	Hứa Văn Nằng	1934	Thôn Khun Pàu, xã Điềm He, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
497	Hoàng Thị Con	1934	Thôn Nà Me, xã Liên Hội, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
498	Lộc Thị Yêu	1934	Thôn Nà Me, xã Liên Hội, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
499	Hoàng Thị Hón	1934	Thôn Bản Xó, xã Hữu Lễ, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
500	Nông Văn Sảo	1934	Thôn Bản Kình, xã Lương Năng, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
501	Hoàng Thị Cúc	1934	Thôn Đoàn Kết, xã Tràng Phái, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
502	Hoàng Thị Lành	1934	Thôn Bản Sầm, xã Bình Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
503	Hà Thị Chiêng	1934	Thôn Bản Dạ, xã Bình Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
504	Phương Thị Tý	1934	Thôn Bắc, xã Yên Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
505	Hoàng Văn Thượng	1934	Thôn Trung, xã Yên Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
506	Triệu Thị Nguyện	1934	Thôn Đông B, xã Yên Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
507	Linh Thị Dăn	1934	Thôn Đông B, xã Yên Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn

508	Triệu Thị Phang	1934	Thôn Nam, xã Yên Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
509	Triệu Văn Chàu	1934	Thôn Phiêng Lầy, xã Trấn Ninh, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
510	Phùng Thị Hảy	1934	Thôn Ích Hữu, xã An Sơn, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
511	Triệu Thị Ân	1934	Thôn Bình Đãng A, xã An Sơn, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
512	Hoàng Thị Phăn	1934	Thôn Bình Đãng B, xã An Sơn, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
513	Triệu Thị Kỳ	1934	Thôn Quang Bí, xã An Sơn, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
514	Đổng Văn Coi	1934	Thôn Quang Bí, xã An Sơn, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
515	Đàm Thị Bâư	1934	Thôn Nà Thòa, xã An Sơn, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
516	Lương Thị Sèn	1934	Thôn Nà Thòa xã An Sơn, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
517	Lộc Thị Kỳ	1934	Thôn Ích Hữu, xã An Sơn, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
518	Nông Thị Slổi	1934	Thôn Nặm Rạt, xã Tân Đoàn, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
519	Hoàng Thị Tuế	1934	Thôn Ba Xã, xã Tân Đoàn, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
520	Nông Thị Noọng	1934	Thôn Ba Xã, xã Tân Đoàn, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
521	Hoàng Thị Kiến	1934	Thôn Bản Khính, xã Khánh Khê, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn

Danh sách ấn định gồm: 521 người./.

sửa

DANH SÁCH BỔ SUNG CHÚC THỌ, MỪNG THỌ NGƯỜI CAO TUỔI THỌ 90 TUỔI TỈNH LẠNG SƠN NĂM 2022, 2023

(Kèm theo Quyết định số: 23 /QĐ-UBND ngày 03 /01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH SÁCH BỔ SUNG NĂM 2023 (13 người)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ
I	**Huyện Lộc Bình**		
1	Vi Văn Long	1933	Thôn Khòn Nà, xã Thống Nhất, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
II	**Huyện Đình Lập**		
2	Vi Thị Quý	1933	Thôn Còn Đuống, xã Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
3	Bế Văn Hảo	1933	Thôn Khe Dăm, xã Lâm Ca, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
III	**Thành phố Lạng Sơn**		
4	Nông Thị Vựng	1933	Khối 1+2, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
5	Nguyễn Khắc Đỗ	1933	Khối 7, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
IV	**Huyện Cao Lộc**		
6	Bế Phùng Xuân	1933	Khu Dây Thép, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
7	Đặng Thị Luyện	1933	Khu Ga, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
8	Vy Thị Xế	1933	Thôn Xuân Lũng, xã Bình Trung, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
V	**Huyện Bắc Sơn**		
9	Lăng Thị Hoa	1933	Thôn Nà Thí, xã Vạn Thủy, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
10	Nông Thị Vần	1933	Thôn Nà Thí, xã Vạn Thủy, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
11	Dương Văn Lục	1933	Thôn Bình Thượng, xã Chiêu Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
VI	**Huyện Tràng Định**		
12	Bế Thị In	1933	Thôn Nà Phẩy, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn

13	Nông Văn Tung	1933	Thôn Quyết Thắng, xã Đoàn Kết, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn

B. DANH SÁCH BỔ SUNG NĂM 2022 (9 người)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ
I	**Huyện Cao Lộc**		
1	Triệu Múi Phin	1932	Thôn Co Loi, xã Mẫu Sơn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
2	Nguyễn Thị Lan	1932	Khối 8, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
II	**Huyện Lộc Bình**		
3	Nông Văn En	1932	Thôn Bản Gia, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
4	Lê Thị Bưởi	1932	Khu 7+9, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
III	**Huyện Văn Quan**		
5	Hoàng Thị Thòong	1932	Thôn Nà Bung, xã Điềm He, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
IV	**Huyện Bắc Sơn**		
6	Dương Hữu Thăng	1932	Thôn Bình Thượng, xã Chiêu Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
7	Dương Thị Áy	1932	Thôn Dục Thúm, xã Chiêu Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
8	Dương Thị Cầm	1932	Thôn Dục Thúm, xã Chiêu Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
9	Dương Thị Khuyến	1930	Thôn Bình Thượng, xã Chiêu Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Danh sách ấn định gồm: 22 người./.